

**ĐỀ ÁN**  
**Thu Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất,  
quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất**

**PHẦN I**  
**SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

*Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ ban hành quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;*

*Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành mức thu “*lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất*” tại Nghị quyết số 28/2020/NQ-HDND ngày 13 tháng 7 năm 2020, cụ thể như sau:

**1. Đối tượng phí:**

Tổ chức, cá nhân, hộ gia đình trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài; tổ chức nước ngoài; cá nhân nước ngoài khi được cơ quan nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

**2. Nội dung, mức thu:**

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)
<b>1</b>	<b>Cấp Giấy chứng nhận lần đầu (cấp mới)</b>		
<b>a</b>	<b>Hộ gia đình, cá nhân tại các phường</b>		
	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng (QSD) đất	đồng/giấy	25.000
	Cấp Giấy chứng nhận QSD đất, Quyền sở hữu nhà ở (QSHNO) và tài sản gắn liền với đất	đồng/giấy	100.000
	Cấp Giấy chứng nhận chỉ có tài sản gắn liền với đất	đồng/giấy	75.000
<b>b</b>	<b>Hộ gia đình, cá nhân tại các khu vực còn lại</b>		
	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng (QSD) đất	đồng/giấy	15.000
	Cấp Giấy chứng nhận QSD đất, Quyền sở hữu nhà ở (QSHNO) và tài sản gắn liền với đất	đồng/giấy	70.000

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu
	Cấp Giấy chứng nhận chỉ có tài sản gắn liền với đất	đồng/giấy	50.000
<b>c</b>	<b>Tổ chức</b>		
	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng (QSD) đất	đồng/giấy	100.000
	Cấp Giấy chứng nhận QSD đất, Quyền sở hữu nhà ở (QSHNỞ) và tài sản gắn liền với đất	đồng/giấy	500.000
	Cấp Giấy chứng nhận chỉ có tài sản gắn liền với đất	đồng/giấy	500.000
<b>2</b>	<b>Chứng nhận đăng ký thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhận</b>		
<b>a</b>	<b>Hộ gia đình, cá nhân tại các phường</b>		
	Đăng ký thay đổi QSD đất	đồng/lần	15.000
	Đăng ký thay đổi QSD đất và tài sản gắn liền với đất (nhà ở, nhà xưởng, rừng, tài sản khác)	đồng/lần	50.000
	Đăng ký thay đổi chỉ có tài sản gắn liền với đất;	đồng/lần	50.000
	Cấp lại Giấy chứng nhận QSD đất	đồng/lần	20.000
	Cấp lại Giấy chứng nhận có đăng ký thay đổi tài sản trên đất	đồng/lần	50.000
	Trích lục bản đồ hoặc các văn bản cần thiết khác trong hồ sơ địa chính	đồng/lần	10.000
	Xác định tính pháp lý của các giấy tờ nhà đất	đồng/lần	20.000
<b>b</b>	<b>Hộ gia đình, cá nhân tại các khu vực còn lại</b>		
	Đăng ký thay đổi QSD đất;	đồng/lần	8.000
	Đăng ký thay đổi QSD đất và tài sản gắn liền với đất (nhà ở, nhà xưởng, rừng, tài sản khác)	đồng/lần	30.000
	Đăng ký thay đổi chỉ có tài sản gắn liền với đất;	đồng/lần	30.000
	Cấp lại Giấy chứng nhận có đăng ký thay đổi tài sản trên đất	đồng/lần	20.000
	Cấp lại Giấy chứng nhận QSD đất	đồng/lần	10.000
	Trích lục bản đồ hoặc các văn bản cần thiết khác trong hồ sơ địa chính	đồng/lần	5.000
	Xác định tính pháp lý của các giấy tờ nhà đất	đồng/lần	10.000
<b>c</b>	<b>Tổ chức</b>		
	Đăng ký thay đổi QSD đất;	đồng/lần	30.000
	Đăng ký thay đổi QSD đất và tài sản gắn liền với đất (nhà ở, nhà xưởng, rừng, tài sản khác)	đồng/lần	50.000
	Đăng ký thay đổi chỉ có tài sản gắn liền với đất;	đồng/lần	50.000
	Cấp lại Giấy chứng nhận QSD đất	đồng/lần	50.000
	Cấp lại Giấy chứng nhận có đăng ký thay đổi tài sản trên đất	đồng/lần	50.000
	Trích lục bản đồ hoặc các văn bản cần thiết khác	đồng/lần	30.000

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu
	trong hồ sơ địa chính		
	Xác định tính pháp lý của các giấy tờ nhà đất	đồng/lần	30.000

### 3. Đối tượng miễn nộp phí

- Hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn (*hoặc sản xuất kinh doanh nông, lâm, ngư nghiệp*), trừ hộ gia đình, cá nhân tại các phường, thị trấn; hộ nghèo; hộ gia đình, cá nhân đồng bào dân tộc thiểu số; hộ gia đình, cá nhân có công với cách mạng.

- Tổ chức, cá nhân, hộ gia đình trong nước; người Việt Nam định cư ở nước ngoài khi đăng ký thay đổi quyền sử dụng đất (lần đầu) do thay đổi địa giới đơn vị hành chính theo quy định tại Điều 11 Nghị quyết số 653/2019/UBTV14 ngày 12 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Qua thực tế triển khai thực hiện việc thu lệ phí, một số đơn vị còn lúng túng trong việc xác định thu phí theo nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của người sử dụng đất hay theo vị trí đất dẫn đến việc áp dụng thực hiện chưa đồng bộ, thống nhất trên địa bàn toàn tỉnh.

Vì vậy, để phù hợp với quy định hiện hành và áp dụng đồng bộ, thống nhất trên địa bàn toàn tỉnh việc sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung một số nội dung thu "*lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất*" tại Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum là cần thiết. Ủy ban nhân dân tỉnh đã rà soát, xây dựng Đề án "*Thu lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất*" trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành để thực hiện.

## PHẦN II

### ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

#### I. Cơ sở pháp lý để xây dựng Đề án:

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ ban hành quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC, ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các văn bản quy định cụ thể đối với các loại phí, lệ phí thuộc phạm vi đơn vị, ngành quản lý;

Căn cứ Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC, ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ tình hình thực tế trong việc triển khai áp dụng thực hiện việc thu lệ phí được quy định tại Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

## **II. Thực trạng thu lệ phí qua các năm gần đây:**

Từ năm 2020 - 2023 trên địa bàn tỉnh Kon Tum đang triển khai thực hiện Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Hàng tháng, các đơn vị thu thực hiện kê khai, thu số tiền thu lệ phí được nộp vào ngân sách nhà nước theo đúng quy định tại Phụ Lục II của Nghị quyết số 120/2016/NQ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016.

Lệ phí phải nộp 100% vào Ngân sách nhà nước, hàng năm ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí cho đơn vị để trang trải các khoản chi phí phát sinh phục vụ công tác thu lệ phí.

## **III. Đề xuất sửa đổi, bổ sung lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất:**

Sau khi rà soát các quy định hiện hành, căn cứ tình hình thực tế về việc triển khai thu lệ phí trên địa bàn tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất sửa đổi, bổ sung lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất đã được quy định tại Mục I Phần B, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Kon Tum, cụ thể như sau:

**1. Đối tượng thu lệ phí:** không thay đổi so với Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

### **2. Nội dung, phạm vi và khu vực thu lệ phí:**

- Nội dung thu phí:

Căn cứ Điểm đ Khoản 2 Điều 5 của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định: “đ) *Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất là khoản thu mà tổ chức, hộ gia đình, cá nhân phải nộp khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất.*

*Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất gồm: Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu*

*nhà, tài sản gắn liền với đất; chứng nhận đăng ký biến động về đất đai; trích lục bản đồ địa chính; văn bản; số liệu hồ sơ địa chính.*”.

Căn cứ Điều k Khoản 1 Điều 99 Luật Đất đai năm 2013 quy định về Trường hợp sử dụng đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: “*k) Người sử dụng đất đề nghị cấp đổi hoặc cấp lại Giấy chứng nhận bị mất.*”

Theo quy định trên thì lệ phí được áp dụng đối với trường hợp người sử dụng đất cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất, tuy nhiên tại Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND chưa quy định thu đối với trường hợp cấp đổi, do đó phải điều chỉnh cho phù hợp và đảm bảo đầy đủ nội dung thu phí.

- Phạm vi và khu vực thu phí: Trong thực tế áp dụng, một số đơn vị còn lúng túng trong việc xác định thu lệ phí theo nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của người sử dụng đất hay theo vị trí đất dẫn đến việc áp dụng thực hiện chưa đồng bộ. Căn cứ Khoản 1 Điều 98 Luật Đất đai năm 2013 quy định về nguyên tắc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: “*Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được cấp theo thửa đất ...*”. Vì Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp theo thửa đất, nên việc thu lệ phí phải được áp dụng theo vị trí của thửa đất, do đó cần thiết phải điều chỉnh phạm vi, khu vực thu phí: “*các phường và các khu vực khác còn lại*” thành: “*Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất tại các phường và Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất tại các khu vực còn lại*”.

Từ thực tế nêu trên, sau khi rà soát các quy định hiện hành và căn cứ tình hình thực tế, Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất điều chỉnh nội dung, phạm vi và khu vực thu lệ phí như sau:

<b>TT</b>	<b>Quy định tại Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND</b>	<b>Nội dung đề xuất điều chỉnh, sửa đổi bổ sung</b>
<b>1</b>	<b>Chứng nhận đăng ký thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhận</b>	<b>Chứng nhận đăng ký thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhận</b>
<b>a</b>	<b>Hộ gia đình, cá nhân tại các phường</b>	<b>Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất tại các phường</b>
	Đăng ký thay đổi QSD đất	Đăng ký thay đổi QSD đất
	Đăng ký thay đổi QSD đất và tài sản gắn liền với đất (nhà ở, nhà xưởng, rừng, tài sản khác)	Đăng ký thay đổi QSD đất và tài sản gắn liền với đất (nhà ở, nhà xưởng, rừng, tài sản khác)
	Đăng ký thay đổi chỉ có tài sản gắn liền với đất	Đăng ký thay đổi chỉ có tài sản gắn liền với đất
	Cấp lại Giấy chứng nhận QSD đất	Cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận QSD đất
	Cấp lại Giấy chứng nhận có đăng ký thay đổi tài sản trên đất	Cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận có đăng ký thay đổi tài sản trên đất
	Trích lục bản đồ hoặc các văn bản	Trích lục bản đồ hoặc các văn bản cần

<b>TT</b>	<b>Quy định tại Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND</b>	<b>Nội dung đề xuất điều chỉnh, sửa đổi bổ sung</b>
	cần thiết khác trong hồ sơ địa chính	thiết khác trong hồ sơ địa chính
	Xác định tính pháp lý của các giấy tờ nhà đất	Xác định tính pháp lý của các giấy tờ nhà đất
<b>b</b>	<b>Hộ gia đình, cá nhân tại các khu vực còn lại</b>	<b>Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất tại các khu vực còn lại</b>
	Đăng ký thay đổi QSD đất;	Đăng ký thay đổi QSD đất;
	Đăng ký thay đổi QSD đất và tài sản gắn liền với đất (nhà ở, nhà xưởng, rừng, tài sản khác)	Đăng ký thay đổi QSD đất và tài sản gắn liền với đất (nhà ở, nhà xưởng, rừng, tài sản khác)
	Đăng ký thay đổi chỉ có tài sản gắn liền với đất	Đăng ký thay đổi chỉ có tài sản gắn liền với đất
	Cấp lại Giấy chứng nhận có đăng ký thay đổi tài sản trên đất	Cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận QSD đất
	Cấp lại Giấy chứng nhận QSD đất	Cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận có đăng ký thay đổi tài sản trên đất
	Trích lục bản đồ hoặc các văn bản cần thiết khác trong hồ sơ địa chính	Trích lục bản đồ hoặc các văn bản cần thiết khác trong hồ sơ địa chính
	Xác định tính pháp lý của các giấy tờ nhà đất	Xác định tính pháp lý của các giấy tờ nhà đất
<b>c</b>	<b>Tổ chức</b>	<b>Tổ chức</b>
	Đăng ký thay đổi QSD đất;	Đăng ký thay đổi QSD đất;
	Đăng ký thay đổi QSD đất và tài sản gắn liền với đất (nhà ở, nhà xưởng, rừng, tài sản khác)	Đăng ký thay đổi QSD đất và tài sản gắn liền với đất (nhà ở, nhà xưởng, rừng, tài sản khác)
	Đăng ký thay đổi chỉ có tài sản gắn liền với đất	Đăng ký thay đổi chỉ có tài sản gắn liền với đất
	Cấp lại Giấy chứng nhận QSD đất	Cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận QSD đất
	Cấp lại Giấy chứng nhận có đăng ký thay đổi tài sản trên đất	Cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận có đăng ký thay đổi tài sản trên đất
	Trích lục bản đồ hoặc các văn bản cần thiết khác trong hồ sơ địa chính	Trích lục bản đồ hoặc các văn bản cần thiết khác trong hồ sơ địa chính
	Xác định tính pháp lý của các giấy tờ nhà đất	Xác định tính pháp lý của các giấy tờ nhà đất

**3. Mức thu lệ phí:** không thay đổi so với Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

#### **4. Đối tượng miễn giảm:**

Căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 3 của Thông tư số 106/2010/TT-BTC ngày 26 tháng 7 năm 2010 của Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tham mưu Hội đồng nhân dân tỉnh quy định đối tượng miễn, giảm thu lệ phí gồm: “*Hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn (hoặc sản xuất kinh doanh nông, lâm, ngư nghiệp), trừ hộ gia đình, cá nhân tại các phường, thị trấn*”.

Tuy nhiên, hiện nay Thông tư số 106/2010/TT-BTC ngày 26 tháng 7 năm 2010 đã hết hiệu lực thi hành. Qua nghiên cứu các quy định có liên quan đến việc miễn, giảm phí, lệ phí thì hiện nay pháp luật hiện hành không còn quy định trường hợp miễn lệ phí nêu trên, do đó Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất bỏ nội dung: “*Hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn (hoặc sản xuất kinh doanh nông, lâm, ngư nghiệp), trừ hộ gia đình, cá nhân tại các phường, thị trấn*” tại Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND. Các nội dung còn lại, giữ nguyên theo quy định tại Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND

#### **5. Phân bổ số thu lệ phí:**

Tổ chức thu lệ phí nộp đầy đủ 100%, kịp thời số tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước.

Trên đây là Đề án “*Thu lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất*”. Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum khóa XII, kỳ họp thứ 7 xem xét phê chuẩn để triển khai thực hiện./.

---

**Phụ lục**

**Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất sau khi điều chỉnh, sửa đổi bổ sung**  
(Kèm theo Đề án của Ủy ban nhân dân tỉnh)

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Mức thu (đồng)</b>	<b>Tỷ lệ (%) để lại đơn vị thu</b>	<b>Tỷ lệ (%) nộp NSNN</b>
<b>I</b>	<b>Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất</b>				
<b>1</b>	<b>Đối tượng nộp lệ phí</b>				
	Tổ chức, cá nhân, hộ gia đình trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài; tổ chức nước ngoài; cá nhân nước ngoài khi được cơ quan nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Kon Tum				
<b>2</b>	<b>Nội dung thu lệ phí</b>				
<b>2.1</b>	<b>Cấp Giấy chứng nhận lần đầu (cấp mới)</b>				
<b>a</b>	<b>Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất tại các phường</b>				
	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng (QSD) đất	đồng/ giấy	25.000	0%	100%
	Cấp Giấy chứng nhận QSD đất, Quyền sở hữu nhà ở (QSHNO) và tài sản gắn liền với đất	đồng/ giấy	100.000	0%	100%
	Cấp Giấy chứng nhận chỉ có tài sản gắn liền với đất	đồng/ giấy	75.000	0%	100%
<b>b</b>	<b>Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất tại các khu vực còn lại</b>				
	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng (QSD) đất	đồng/ giấy	15.000	0%	100%
	Cấp Giấy chứng nhận QSD đất, Quyền sở hữu nhà ở (QSHNO) và tài sản gắn liền với đất	đồng/ giấy	70.000	0%	100%
	Cấp Giấy chứng nhận chỉ có tài sản gắn liền với đất	đồng/ giấy	50.000	0%	100%
<b>c</b>	<b>Tổ chức</b>				
	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng (QSD) đất	đồng/ giấy	100.000	0%	100%
	Cấp Giấy chứng nhận QSD đất, Quyền sở hữu nhà ở (QSHNO) và tài sản gắn liền với đất	đồng/ giấy	500.000	0%	100%
	Cấp Giấy chứng nhận chỉ có tài sản gắn liền với đất	đồng/ giấy	500.000	0%	100%
<b>2.2</b>	<b>Chứng nhận đăng ký thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhận</b>				
<b>a</b>	<b>Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất tại các phường</b>				



<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Mức thu (đồng)</b>	<b>Tỷ lệ (%) để lại đơn vị thu</b>	<b>Tỷ lệ (%) nộp NSNN</b>
	Đăng ký thay đổi QSD đất	đồng/ giấy	15.000	0%	100%
	Đăng ký thay đổi QSD đất và tài sản gắn liền với đất (nhà ở, nhà xưởng, rừng, tài sản khác)	đồng/ giấy	50.000	0%	100%
	Đăng ký thay đổi chỉ có tài sản gắn liền với đất	đồng/ giấy	50.000	0%	100%
	Cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận QSD đất	đồng/ giấy	20.000	0%	100%
	Cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận có đăng ký thay đổi tài sản trên đất	đồng/ giấy	50.000	0%	100%
	Trích lục bản đồ hoặc các văn bản cần thiết khác trong hồ sơ địa chính	đồng/ giấy	10.000	0%	100%
	Xác định tính pháp lý của các giấy tờ nhà đất	đồng/ giấy	20.000	0%	100%
<b>b</b>	<b>Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất tại các khu vực còn lại</b>				
	Đăng ký thay đổi QSD đất	đồng/ giấy	8.000	0%	100%
	Đăng ký thay đổi QSD đất và tài sản gắn liền với đất (nhà ở, nhà xưởng, rừng, tài sản khác)	đồng/ giấy	30.000	0%	100%
	Đăng ký thay đổi chỉ có tài sản gắn liền với đất	đồng/ giấy	30.000	0%	100%
	Cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận QSD đất	đồng/ giấy	20.000	0%	100%
	Cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận có đăng ký thay đổi tài sản trên đất	đồng/ giấy	10.000	0%	100%
	Trích lục bản đồ hoặc các văn bản cần thiết khác trong hồ sơ địa chính	đồng/ giấy	5.000	0%	100%
	Xác định tính pháp lý của các giấy tờ nhà đất	đồng/ giấy	10.000	0%	100%
<b>c</b>	<b>Tổ chức</b>				
	Đăng ký thay đổi QSD đất	đồng/ giấy	30.000	0%	100%
	Đăng ký thay đổi QSD đất và tài sản gắn liền với đất (nhà ở, nhà xưởng, rừng, tài sản khác)	đồng/ giấy	50.000	0%	100%
	Đăng ký thay đổi chỉ có tài sản gắn liền với đất	đồng/ giấy	50.000	0%	100%
	Cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận QSD đất	đồng/ giấy	50.000	0%	100%
	Cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận có đăng ký thay đổi tài sản trên đất	đồng/ giấy	50.000	0%	100%
	Trích lục bản đồ hoặc các văn bản cần thiết khác trong hồ sơ địa chính	đồng/ giấy	30.000	0%	100%
	Xác định tính pháp lý của các giấy tờ nhà đất	đồng/ giấy	30.000	0%	100%

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)	Tỷ lệ (%) để lại đơn vị thu	Tỷ lệ (%) nộp NSNN
3	<b>Đối tượng miễn nộp lệ phí</b>				
	Hộ gia đình, cá nhân là hộ nghèo; hộ gia đình, cá nhân đồng bào dân tộc thiểu số; hộ gia đình, cá nhân có công với cách mạng.				
	Tổ chức, cá nhân, hộ gia đình trong nước; người Việt Nam định cư ở nước ngoài khi đăng ký thay đổi quyền sử dụng đất do thay đổi địa giới đơn vị hành chính theo quy định tại Điều 11 Nghị quyết số 653/2019/UBTV14 ngày 12 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban thường vụ Quốc hội				